

## BÁO CÁO

### Về kết quả thực hiện năm 2013 và Kế hoạch năm 2014

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam; Căn cứ các chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch SXKD đã được ĐHDCD thường niên năm 2013 phê duyệt, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam trân trọng báo cáo kết quả thực hiện năm 2013 và kế hoạch năm 2014 để ĐHDCD thường niên năm 2014 xem xét thông qua.

#### Phần I

#### Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013

##### 1. Đánh giá chung

Năm 2013 dù có khá nhiều dấu hiệu để kỳ vọng về sự phục hồi của nền kinh tế nhưng kết quả đã không được như mong đợi khi những động lực thúc đẩy sự phục hồi của nền kinh tế thế giới như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, EU hay các nền kinh tế mới nổi như Brazil, Ấn Độ đều tăng trưởng dưới mức kỳ vọng. Trong khi đó, những bất ổn về trật tự xã hội, an ninh chính trị trên thế giới xuất hiện ngày càng nhiều tại nhiều khu vực từ Syria ở Bắc Phi, Ukraina ở Đông Âu tới Thái Lan, Campuchia ở Đông Nam Á. Bên cạnh đó, Trung Quốc liên tục có những động thái gia tăng sức ép với các quốc gia láng giềng về đường biên giới trên biển bao gồm khu vực Biển Đông với các nước ASEAN và tranh chấp biển đảo với Nhật Bản đã làm bức tranh địa - chính trị thế giới thêm nhiều mảng "tối" đáng quan ngại. Những sự kiện trên đã ảnh hưởng lớn tới quan hệ thương mại giữa các quốc gia, các khu vực và toàn cầu, làm giảm sản lượng xuất/nhập khẩu hàng hóa toàn thế giới dù đã có những tín hiệu khả quan cho thấy kinh tế thế giới có khả năng đã qua đáy của khủng hoảng và có thể tăng trưởng trở lại từ nửa cuối năm 2014.

Thời tiết xấu trong năm và đặc biệt là mưa bão nhiều vào thời gian cuối năm đã gây hậu quả nghiêm trọng tại nhiều khu vực. Trong đó có siêu bão HAIYAN tàn quét qua miền Trung Philippines, nơi có rất nhiều tàu của Công ty đến xếp dỡ hàng hóa, làm hầu hết các tàu phải chạy khỏi vị trí đi tránh bão, thả

trời, chờ cầu, chậm xếp/dỡ và nguồn hàng cũng bị ảnh hưởng do nhiều nhà máy bị bão phá hủy.

Tình trạng thừa cung cho cả tàu hàng khô và tàu dầu sản phẩm vẫn tồn tại làm cho sự cạnh tranh rất quyết liệt. Chỉ số BDI có thời điểm được cải thiện nhưng chủ yếu là ở nhóm tàu Capesize. Thị trường tàu dầu sản phẩm được cải thiện hơn đôi chút so với năm 2012 nhưng vào thời gian giữa năm lại suy giảm mạnh. Giá nhiên liệu luôn duy trì ở mức cao và chi phí nhiên liệu chiếm gần 50% doanh thu vận tải đã làm ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả khai thác tàu.

Những tác động tiêu cực trên đã gây trở ngại lớn cho việc lập và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh cũng như tác động xấu đến chiến lược phát triển của doanh nghiệp.

## **2. Kết quả đầu tư phát triển đội tàu**

- Dự án đóng mới tàu biển trong nước

Thực hiện chủ trương hỗ trợ Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam trong Chương trình tái cơ cấu theo chỉ đạo của Chính phủ, được sự hỗ trợ về nguồn vốn của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, tháng 01/2011, Công ty đã ký hợp đồng mua và đóng hoàn thiện tàu hàng rời Vosco Sunrise trọng tải 56.200 dwt với Tổng Công ty CNTT Nam Triệu (Nasico). Ngày 15/5/2013, tàu đã được bàn giao và đưa ngay vào khai thác.

- Các dự án bán tàu

Trong năm 2013, Công ty đã thanh lý 04 tàu đều hết khấu hao bao gồm 03 tàu đã 30 tuổi, chuẩn bị đến kỳ lên đà với chi phí sửa chữa lớn là Golden Star, Morning Star, Polar Star và 01 tàu đóng năm 2000 là tàu Ocean Star nhưng do tàu đóng tại Hàn Quốc có mức tiêu thụ nhiên liệu cao không phù hợp với điều kiện khai thác hiện tại. Cả bốn tàu bán nói trên đều nằm trong danh sách các tàu được phê duyệt bán theo kế hoạch tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đã được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 276/QĐ-TTg, ngày 04/02/2013 của Chính phủ.

Việc thanh lý các tàu cũ đã giúp Công ty cải thiện được dòng tiền, góp phần duy trì hoạt động ổn định của đội tàu, tiếp tục thực hiện chiến lược trẻ hóa, hiện đại hóa và tăng sức cạnh tranh của đội tàu.

## **3. Về đầu tư khác**

- Về việc bán cổ phiếu quỹ

Sau một thời gian theo dõi, Công ty đã lựa chọn được thời điểm để thực hiện bán thành công toàn bộ 1,89 triệu cổ phiếu quỹ với mức giá bình quân 4.822 đồng/cổ phiếu, thu hồi được vốn đầu tư và mang lại khoản lãi khoảng 1,8 tỷ đồng. Cổ phiếu của Công ty đóng cửa năm 2013 vào phiên giao dịch ngày 31/12/2013 ở mức giá 4.500 đồng/cổ phiếu (năm 2012 đóng cửa ở mức giá 2.300 đồng/cổ phiếu).

- Về việc chuyển nhượng quyền sở hữu và tài sản trên đất tại một số Chi nhánh

Trong năm, Công ty đã liên tục theo dõi sát diễn biến của thị trường giao dịch bất động sản tại các địa phương để có thể thanh lý một số bất động sản sử dụng không hiệu quả tại một số Chi nhánh. Tuy nhiên, thị trường mua bán gần như không có giao dịch nên việc chuyển nhượng nói trên chưa thực hiện được.

Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục theo dõi tình hình thị trường bất động sản để vào thời điểm thích hợp sẽ lên phương án cụ thể chuyển nhượng một số bất động sản sử dụng không hiệu quả tại một số Chi nhánh để tập trung nguồn lực tài chính cho hoạt động vận tải của Công ty đang gặp nhiều khó khăn.

#### **4. Kết quả thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp**

Ngày 04/02/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 276/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012 – 2015 trong đó Vosco tập trung thực hiện vào các lĩnh vực chính là vận tải biển và dịch vụ hàng hải, từng bước tháo gỡ khó khăn trong giai đoạn 2012 - 2015, tạo sự ổn định và phát triển phù hợp với điều kiện thị trường giai đoạn 2016 - 2020. Công ty đã từng bước thực hiện việc tái cơ cấu như sau:

- Tổ chức hoạt động kinh doanh

Công ty tiến hành cơ cấu lại đội tàu cho phù hợp hơn với thị trường, cụ thể đã thanh lý các tàu cũ, chi phí sửa chữa lớn, tiêu thụ nhiều nhiên liệu, phụ tùng, vật tư hoặc có tính năng khai thác không còn phù hợp; Duy trì đội tàu gồm 03 nhóm chủ lực là tàu hàng rời, tàu chở dầu sản phẩm và tàu container, giữ vững hoạt động ổn định của đội tàu, duy trì nguồn nhân lực hiện có để chờ cơ hội thị trường hồi phục trở lại sẽ tiếp tục tăng trưởng và phát triển theo kế hoạch đã được phê duyệt.

Công ty đã chuyển đổi một số chi nhánh thành 04 Công ty con, hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ hàng hải trong đó có 03 Công ty TNHH MTV (Vosco giữ 100% vốn điều lệ) và 01 Công ty cổ phần (Vosco giữ 51% vốn điều lệ). Mặc dù thị trường vận tải biển những năm gần đây vô cùng khó khăn nhưng đã có 03/4 Công ty con hoạt động có hiệu quả và mang lại lợi nhuận cho Công ty mẹ.

Trong thời gian tới, Công ty sẽ xem xét, đánh giá thực trạng của một số Chi nhánh hoạt động không hiệu quả trong thời gian dài. Trong trường hợp xét thấy việc tiếp tục duy trì hoạt động của Chi nhánh là không cần thiết, Công ty sẽ tiến hành chấm dứt hoạt động và thanh lý các tài sản đã đầu tư tại Chi nhánh. Hiện nay Công ty đang tiến hành các thủ tục để giải thể 02 chi nhánh đã sát nhập thành Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco (VTSC) là Xí nghiệp Dịch vụ Đại lý Sơn và Xí nghiệp Đại lý Dầu hiện không còn hoạt động.

- Tái cơ cấu đầu tư

Trước diễn biến khó khăn của thị trường vận tải biển và tập trung nguồn lực vào lĩnh vực kinh doanh chính. Do thị trường vận tải biển cũng như việc thu xếp vốn gặp nhiều khó khăn nên Công ty không đầu tư thêm tàu nào để tập trung mọi nguồn lực khai thác đội tàu hiện có, đảm bảo đội tàu hoạt động ổn định, duy trì việc làm và thu nhập cho người lao động, không để tàu nào bị bắt giữ do nợ

động với nhà cung ứng, tranh chấp thương mại (riêng việc đóng mới tàu Vosco Sunrise 56.200 dwt ở trong nước là thực hiện theo chỉ đạo của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam để hỗ trợ việc tái cơ cấu Vinashin).

Căn cứ kế hoạch triển khai đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt đến năm 2015, phần vốn Nhà nước tại Công ty chiếm 60% vốn điều lệ sẽ giảm xuống còn 51%. Ngoài ra, đến năm 2015, Công ty sẽ phải thoái vốn xong tại các tổ chức là Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam và Trường Cao đẳng nghề Hàng hải Vinalines tại Nghệ An.

#### - Tái cơ cấu về tài chính

Thực hiện Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012 – 2015 theo Quyết định số 276/QĐ-TTg của Chính phủ trong đó Vosco tập trung thực hiện vào các lĩnh vực chính là vận tải biển và dịch vụ hàng hải, từng bước tháo gỡ khó khăn trong giai đoạn 2012 - 2015, tạo sự ổn định và phát triển phù hợp với điều kiện thị trường giai đoạn 2016 - 2020. Công ty đã tích cực đàm phán với các ngân hàng tài trợ vốn để “Tập trung tái cơ cấu nợ các khoản vay đầu tư tàu tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam và các tổ chức tín dụng khác theo hướng khoan nợ gốc và miễn, giảm lãi”. Đến nay, hầu hết các Ngân hàng đã chấp thuận cho Công ty cơ cấu các dự án vay mua và đóng mới tàu biển theo hướng giãn trả nợ gốc khoảng 3 năm từ 80% - 100% nghĩa vụ trả nợ gốc. Đồng thời, kéo dài thời gian vay tương ứng với thời gian giãn nợ. Riêng các khoản vay tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Công ty đang thực hiện tái cơ cấu theo chỉ đạo của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

### **5. Kết quả thực hiện năm 2013**

Tuy gặp nhiều khó khăn nhưng toàn thể CBCNV và tập thể Lãnh đạo Công ty luôn đồng sức, đồng lòng, đoàn kết thống nhất trong việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ. Lãnh đạo Công ty đã chỉ đạo các bộ phận chuyên môn áp dụng nhiều biện pháp để tăng thu, quản lý chi phí ở mức hợp lý theo hướng chỉ chi những khoản thực sự cần thiết, vận dụng linh hoạt các chính sách, chế độ của Nhà nước nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất. Trong năm, việc tăng cường các biện pháp quản lý của Công ty đã đem lại những kết quả tích cực khi số chi giảm 197 tỷ đồng, tương đương giảm 8,12% so với kế hoạch năm nhưng do những khó khăn của thị trường nên doanh thu đội tàu giảm 449 tỷ đồng, tương đương giảm 17,96% so với kế hoạch năm (dù tàu có hàng, chạy rộng ít, hầu như không phải chờ kế hoạch với chỉ tiêu sản lượng vận chuyển tăng 1,2 tỷ Tkm) trong khi đó chi phí cho hoạt động đội tàu duy trì ở mức rất cao, đặc biệt là chi phí nhiên liệu thường xuyên chiếm tỷ trọng khoảng 50% doanh thu vận tải.

Kết quả cụ thể như sau:

| STT | Chỉ tiêu                                    | Đơn vị  | Thực hiện 2012 | Kế hoạch 2013 | Thực hiện 2013 | Tỷ lệ (%) |       |
|-----|---|---------|----------------|---------------|----------------|-----------|-------|
|     |   |         |                |               |                | 1         | 2     |
| A   | B   | C       | 1              | 2             | 3              | 3/1       | 3/2   |
| 1   | Tổng trọng tải tại ngày 31/12               | DWT     | 560.422        | 553.113       | 528.550        | 94,31     | 95,56 |
| 2   | Sản lượng (trong đó năm 2013 có 65.750 TEU) | 1.000 T | 6.288          | 6.500         | 5.486          | 87,25     | 84,40 |
|     |   | Tr.Tkm  | 28.036         | 30.000        | 29.238         | 104,29    | 97,46 |
| 3   | Tổng doanh thu                              | Tỷ đồng | 2.450          | 2.860         | 2.438          | 99,51     | 85,24 |
| 4   | Lợi nhuận trước thuế                        | Tỷ đồng | -31,91         | 7             | -187,12        |           |       |
| 5   | Cổ tức                                      | %       | 0              | 0             | 0              |           |       |

Kết quả kinh doanh của Công ty không đạt kế hoạch và bị lỗ 187,12 tỷ đồng. Tuy vậy, Công ty vẫn giữ vững hoạt động đội tàu, đảm bảo việc làm, trả lương đúng hạn cho người lao động nhằm động viên người lao động cùng Công ty từng bước vượt qua giai đoạn khó khăn, tiến tới phát triển trở lại trong giai đoạn tiếp theo.

Tính đến ngày 31/12/2013, đội tàu của Công ty gồm 22 chiếc (bao gồm 18 tàu hàng khô, 02 tàu dầu sản phẩm và 02 tàu container) với tổng trọng tải 528.550 dwt, tuổi tàu bình quân 11,4 tuổi. Việc đội tàu giảm 24.500 dwt so với kế hoạch là do Công ty tiến hành thanh lý sớm tàu Polar Star trong tháng 12/2013, trước thời điểm tàu lên đà theo quy định vào tháng 02/2014 để tránh việc phải bỏ ra một khoản chi phí sửa chữa lớn cho tàu đã 30 tuổi.

**Về thực hiện đơn giá tiền lương:** Trong năm 2013, căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2013 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2013, Công ty đã áp dụng đơn giá tiền lương theo mức 80 đồng/1.000 đồng doanh thu tự khai thác tàu, 120 đồng/1.000 đồng doanh thu cho thuê định hạn. Theo kết quả kinh doanh năm 2013, tổng quỹ lương được chi của Công ty là 207,73 tỷ đồng.

Tuy nhiên, do hoạt động của Công ty gặp nhiều khó khăn, để cùng chia sẻ với các cổ đông, Công ty chỉ thực hiện chi 189,79 tỷ đồng, bằng 91,36% kế hoạch được phê duyệt.

Căn cứ kết quả SXKD, nhằm chia sẻ khó khăn về tài chính của Công ty và tăng cường vai trò, trách nhiệm của mỗi CBCNV đối với kết quả SXKD chung, Công ty tiếp tục thực hiện việc điều chỉnh giảm lương của cả khối phòng ban quản lý và thuyền viên đang làm việc trên các tàu (đã áp dụng từ ngày 01/9/2012). Theo đó, đối với khối phòng ban quản lý mức giảm từ 5% - 10%; khối thuyền viên giảm từ 5% - 7% (các mức giảm trên là theo tổng lương).

## Phần II

### Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 (đã được kiểm toán)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2005;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam;

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2013, HĐQT đã có Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT ngày 12/6/2013 về việc chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 của Công ty, đến nay đã hoàn thành.

Hội đồng quản trị Công ty xin trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua “Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013” của Công ty sau khi đã được kiểm toán theo đúng các quy định pháp luật hiện hành như sau (chi tiết xin tham khảo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 tóm tắt kèm theo).

#### MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH NĂM 2013

*Đơn vị: Tỷ đồng*

| STT | Chỉ tiêu             | Giá trị |
|-----|----------------------|---------|
| 1   | Tổng tài sản         | 5.342   |
| 2   | Vốn điều lệ          | 1.400   |
| 3   | Vốn chủ sở hữu       | 1.221   |
| 4   | Tổng doanh thu       | 2.438   |
| 5   | Lợi nhuận trước thuế | -187,12 |
| 6   | Lợi nhuận sau thuế   | -190,33 |

## Phần III

### Kế hoạch SXKD năm 2014

#### 1. Dự báo thị trường vận tải biển

Theo đánh giá chung của các nhà phân tích, viễn cảnh kinh tế thế giới năm 2014 dự báo cho thấy có những tín hiệu lạc quan hơn khi đều cho rằng mức tăng trưởng GDP toàn cầu sẽ ở mức 3,6%, tăng hơn 0,8% so với mức 2,8% của năm 2013. Điều này được dựa trên một số yếu tố kinh tế vĩ mô như: nền kinh tế Mỹ đã qua giai đoạn khó khăn, hiện đang trở lại một cách vững chắc và tăng trưởng ngày một tốt hơn; Kinh tế Trung Quốc sẽ tiếp tục duy trì phát triển một cách bền vững trong năm 2014; Kinh tế Nhật Bản đang ngày một tốt lên, cùng với việc đóng cửa các nhà máy điện hạt nhân thì nhu cầu tiêu thụ và nhập khẩu than của Nhật Bản sẽ tăng mạnh; Các nền kinh tế thuộc khối EU đang cho thấy rõ sự hồi phục. Cùng với đó là những nhận định về tốc độ tăng trọng tải đội tàu hàng khô thế giới sẽ chậm lại, tốc độ tăng cung tàu dầu thấp hơn tốc độ tăng của cầu vận chuyển sẽ góp phần cải thiện dần tình trạng cung tàu đang dư thừa quá nhiều so với nhu cầu vận chuyển.

Tuy nhiên, những dự báo trên đều cho rằng thị trường chỉ có thể bắt đầu được cải thiện vào nửa cuối năm 2014. Trong quý 1, do chịu ảnh hưởng của nhiều kỳ nghỉ kéo dài nên giao dịch thương mại tại nhiều quốc gia, đặc biệt là Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc bị ngừng trệ nên đã ảnh hưởng lớn tới hoạt động vận tải biển và đã làm cho chỉ số BDI giảm liên tục xuống mức chỉ còn hơn 1.000 điểm như hiện nay.

#### 2. Kế hoạch mua tàu

Tiếp tục thực hiện chỉ đạo tại Công văn số 3778/BGTVT-KHĐT, ngày 17/5/2012 của Bộ Giao thông Vận tải, trước mắt trong giai đoạn 2011 - 2015, các doanh nghiệp vận tải biển không thực hiện các dự án mua tàu nước ngoài mà chỉ tập trung tổ chức khai thác an toàn, hiệu quả đội tàu hiện có và các tàu được đóng trong nước theo các chương trình đóng mới tàu đã được phê duyệt và căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2013 - 2018 mà ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 đã thông qua, năm 2014 Công ty sẽ không có kế hoạch mua hoặc đóng mới tàu mà chỉ tập trung vào nâng cao hiệu quả khai thác đội tàu hiện có.

#### 3. Kế hoạch bán tàu

Theo kế hoạch cho giai đoạn 2013 - 2018, năm 2014 sẽ dự kiến bán tàu Vinh Hòa, trọng tải 7.371 dwt, đóng năm 1989 tại Nhật Bản và tàu Vĩnh Phước, trọng tải 12.300 dwt, đóng năm 1988 tại Nhật Bản. Tuy nhiên, do tàu Vinh Hòa đang tiếp tục được xử lý (đã thông báo từ bỏ tàu) sau sự cố mắc cạn tại Poropoint, Philippines nên không còn nằm trong kế hoạch bán tàu nữa.

Căn cứ vào thực tế diễn biến của thị trường vận tải biển, với quyết tâm đạt mức cân bằng thu chi của Công ty mẹ – Vosco và có lãi từ hoạt động của các Công ty con. Trong năm 2014, Công ty dự kiến sẽ bán thêm các tàu sau đây:

- Tàu Vĩnh Phước, trọng tải 12.300 dwt, đóng năm 1988 tại Nhật Bản
- Tàu Diamond Star, trọng tải 27.000 dwt, đóng năm 1990 tại Nhật Bản

- Trong trường hợp thị trường vận tải biển vẫn tiếp tục gặp khó khăn kéo dài và phát sinh thêm chi phí, nếu xét thấy không có khả năng cân bằng thu chi, Công ty sẽ bán thêm tàu Silver Star, trọng tải 21.967 dwt, đóng năm 1995 tại Nhật Bản nhằm ổn định hoạt động kinh doanh và đạt mục tiêu cân bằng thu chi.

Các tàu Vĩnh Phước, Diamond Star và Silver Star đều đã hết khấu hao. Công ty sẽ đầu tư tàu trở lại khi thị trường phục hồi và điều kiện tài chính cho phép.

#### 4. Kế hoạch SXKD năm 2014

Căn cứ năng lực thực tế của đội tàu hiện có, căn cứ tình hình dự báo của thị trường và dự kiến kế hoạch bán tàu trong năm 2014, Công ty dự kiến các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 như sau:

| STT | Chỉ tiêu                          | Đơn vị  | TH 2013 | KH 2014 | So sánh (%) |
|-----|-----------------------------------|---------|---------|---------|-------------|
| 1   | Số tàu tại thời điểm 31/12        | Chiếc   | 22      | 19      | 86,36       |
| 2   | Tấn trọng tải tại thời điểm 31/12 | DWT     | 528.550 | 480.000 | 90,81       |
| 3   | Sản lượng vận chuyên              | 1.000T  | 5.486   | 5.000   | 91,14       |
| 4   | Tổng doanh thu                    | Tỷ đồng | 2.438   | 2.300   | 94,34       |
| 5   | Lợi nhuận trước thuế              | Tỷ đồng | -187    | 8       |             |
| 6   | Cổ tức                            | %       | 0       | 0       |             |

Ngoài ra, Công ty sẽ đánh giá thực trạng của một số Chi nhánh hoạt động không hiệu quả trong thời gian dài. Trong trường hợp xét thấy việc tiếp tục duy trì hoạt động của Chi nhánh là không cần thiết, Công ty sẽ tiến hành chấm dứt hoạt động của các Chi nhánh này và thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất để tập trung nguồn lực tài chính cho hoạt động chính của Công ty.

#### 5. Về đơn giá tiền lương

Căn cứ kết quả thực hiện đơn giá và tổng quỹ lương năm 2013, dự kiến kế hoạch SXKD năm 2014, để đảm bảo đời sống và thu nhập cho người lao động trong đó chủ yếu là khối sỹ quan thuyền viên nhằm duy trì sự hoạt động ổn định của đội tàu, HĐQT Công ty đề nghị:

- Đơn giá tiền lương năm 2014 là 80 đồng/1.000 đồng doanh thu, bằng mức được phê duyệt của năm 2013 với doanh thu tính lương bao gồm: Doanh



thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (gồm doanh thu vận tải do Công ty tự khai thác và doanh thu của các Công ty con không loại trừ doanh thu nội bộ với Công ty mẹ - Vosco), doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác.

- Đơn giá tiền lương đối với những tàu cho thuê định hạn trong năm 2014 là 160 đồng/1.000 đồng doanh thu vì theo số liệu thống kê, doanh thu tự khai thác cao hơn khoảng 02 lần so với doanh thu cho thuê tàu định hạn do khi tàu cho thuê định hạn, Công ty không phải chịu chi phí nhiên liệu và cảng phí. (Trong quá trình kinh doanh, trên cơ sở đánh giá tính hiệu quả và loại trừ các yếu tố rủi ro, Công ty sẽ thực hiện việc kết hợp tự khai thác và cho thuê định hạn).

Trên đây là Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2013 và kế hoạch năm 2014 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.

Trân trọng cảm ơn./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- BKS Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**





CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
VẬN TẢI BIỂN  
VIỆT NAM  
O. NGÔ QUYỀN T.P HẢI PHÒNG

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT NĂM 2013 (đã kiểm toán)

### I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| STT                        | Nội dung                            | Số dư cuối năm           | Số dư đầu năm            |
|----------------------------|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>A</b>                   | <b>Tài sản ngắn hạn</b>             | <b>684.143.515.162</b>   | <b>403.026.913.359</b>   |
| 1                          | Tiền và các khoản tương đương tiền  | 81.723.486.658           | 20.567.008.437           |
| 2                          | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 0                        | 0                        |
| 3                          | Các khoản phải thu ngắn hạn         | 412.368.268.635          | 174.141.414.376          |
| 4                          | Hàng tồn kho                        | 186.036.688.736          | 176.360.576.185          |
| 5                          | Tài sản ngắn hạn khác               | 4.015.071.133            | 31.957.914.361           |
| <b>B</b>                   | <b>Tài sản dài hạn</b>              | <b>4.657.855.305.019</b> | <b>4.669.580.303.958</b> |
| 1                          | Các khoản phải thu dài hạn          | 0                        | 0                        |
| 2                          | Tài sản cố định                     | 4.429.427.520.943        | 4.376.891.209.798        |
|                            | - Tài sản cố định hữu hình          | 4.419.291.031.941        | 4.046.183.402.765        |
|                            | - Tài sản cố định vô hình           | 10.025.433.002           | 9.933.779.701            |
|                            | - Tài sản cố định thuê tài chính    | 0                        | 0                        |
|                            | - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang   | 111.056.000              | 320.774.027.332          |
| 3                          | Bất động sản đầu tư                 | 0                        | 0                        |
| 4                          | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn  | 82.183.397.343           | 82.183.397.343           |
| 5                          | Tài sản dài hạn khác                | 146.244.386.733          | 210.505.696.817          |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>   |                                     | <b>5.341.998.820.181</b> | <b>5.072.607.217.317</b> |
| <b>A</b>                   | <b>Nợ phải trả</b>                  | <b>4.107.452.426.352</b> | <b>3.655.858.776.341</b> |
| 1                          | Nợ ngắn hạn                         | 748.562.613.345          | 633.814.840.322          |
|                            | - Quỹ khen thưởng, phúc lợi         | 2.449.187.274            | 5.728.161.270            |
| 2                          | Nợ dài hạn                          | 3.358.889.813.007        | 3.022.043.936.019        |
| <b>B</b>                   | <b>Vốn chủ sở hữu</b>               | <b>1.221.072.643.772</b> | <b>1.406.139.463.574</b> |
| 1                          | Vốn chủ sở hữu                      | 1.221.072.643.772        | 1.406.139.463.574        |
|                            | - Vốn đầu tư của chủ sở hữu         | 1.400.000.000.000        | 1.400.000.000.000        |
|                            | - Thặng dư vốn cổ phần              | 1.777.018.739            | 0                        |
|                            | - Cổ phiếu quỹ                      | 0                        | -7.320.384.546           |
|                            | - Chênh lệch đánh giá lại tài sản   | 0                        | 0                        |
|                            | - Chênh lệch tỷ giá hối đoái        | 0                        | 0                        |
|                            | - Các quỹ                           | 28.800.571.554           | 28.433.101.631           |
|                            | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | -209.504.946.521         | -14.973.253.511          |
|                            | - Nguồn vốn đầu tư XDCB             | 0                        | 0                        |
| 2                          | Nguồn kinh phí và quỹ khác          | 0                        | 0                        |
|                            | - Nguồn kinh phí                    |                          |                          |
|                            | - Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ |                          |                          |
| <b>C</b>                   | <b>Lợi ích của cổ đông thiểu số</b> | <b>13.473.750.057</b>    | <b>10.608.977.402</b>    |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> |                                     | <b>5.341.998.820.181</b> | <b>5.072.607.217.317</b> |

## II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

| STT | Chỉ tiêu   | Năm 2013                 | Năm 2012                 |
|-----|--|--------------------------|--------------------------|
| 1   | <b>Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>          | <b>2.213.337.478.488</b> | <b>2.432.524.349.570</b> |
| 2   | Các khoản giảm trừ                                   | 6.714.988.291            | 8.621.124.022            |
| 3   | <b>Doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ</b> | <b>2.206.622.490.197</b> | <b>2.423.903.225.548</b> |
| 4   | Giá vốn hàng bán                                     | 2.243.307.997.518        | 2.141.990.498.542        |
| 5   | <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>   | <b>-36.685.507.321</b>   | <b>281.912.727.006</b>   |
| 6   | Doanh thu hoạt động tài chính                        | 1.417.429.287            | 11.005.691.642           |
| 7   | Chi phí hoạt động tài chính                          | 234.400.882.164          | 194.677.121.033          |
|     | - Trong đó: Chi phí lãi vay                          | 164.316.183.387          | 152.388.487.769          |
| 8   | Chi phí bán hàng                                     | 68.842.155.512           | 72.871.744.181           |
| 9   | Chi phí quản lý doanh nghiệp                         | 62.114.047.569           | 62.823.120.482           |
| 10  | <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>             | <b>-400.625.163.279</b>  | <b>-37.453.567.048</b>   |
| 11  | Thu nhập khác  | 223.309.064.341          | 6.258.568.924            |
| 12  | Chi phí khác   | 9.806.699.582            | 710.043.485              |
| 13  | <b>Lợi nhuận/ (lỗ) khác</b>                          | <b>213.502.364.759</b>   | <b>5.548.525.439</b>     |
| 14  | Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết  | 0                        | 0                        |
| 15  | <b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>                     | <b>-187.122.798.520</b>  | <b>-31.905.041.609</b>   |
| 16  | Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                 | 3.135.752.236            | 1.272.388.486            |
| 17  | Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                  | 66.860.739               | 707.303                  |
| 18  | <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>                       | <b>-190.325.411.495</b>  | <b>-33.178.137.398</b>   |
| 19  | <b>LNST của cổ đông thiểu số</b>                     | <b>3.425.447.128</b>     | <b>1.511.594.299</b>     |
| 20  | <b>LNST của cổ đông Công ty mẹ</b>                   | <b>-193.750.858.623</b>  | <b>-34.689.731.697</b>   |
| 21  | <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                      | <b>-1.402</b>            | <b>-251</b>              |

## III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

| STT | Chỉ tiêu  | Đơn vị | Năm 2013 | Năm 2012 |
|-----|---|--------|----------|----------|
| 1   | <b>Cơ cấu tài sản</b>                             |        |          |          |
|     | - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản                    | %      | 87,19    | 92,05    |
|     | - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản                   | %      | 12,81    | 7,95     |
| 2   | <b>Cơ cấu nguồn vốn</b>                           |        |          |          |
|     | - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn                      | %      | 76,89    | 72,07    |
|     | - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn             | %      | 22,86    | 27,72    |
| 3   | <b>Khả năng thanh toán</b>                        |        |          |          |
|     | - Khả năng thanh toán nhanh                       | lần    | 0,67     | 0,36     |
|     | - Khả năng thanh toán hiện hành                   | lần    | 0,91     | 0,64     |
| 4   | <b>Tỷ suất lợi nhuận</b>                          |        |          |          |
|     | - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản       | %      |          |          |
|     | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần      | %      |          |          |
|     | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu | %      |          |          |